TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 69/2023/HNGĐ-ST
Ngày 26/6/2023
"Tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Hữu Tăng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Ngọc Khải.

Bà Phạm Thị Lan.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thúy Hằng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2023/TLST-HNGĐ ngày 12/4/2023 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"*.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2023/QĐ-PT ngày 12/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lưu Thị D., sinh năm: 1999; nơi đăng ký thường trú: Thôn V.Q, xã Q.H, huyện P.C, tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn G., sinh năm: 1990; nơi đăng ký thường trú: Thôn V.Q, xã Q.H, huyện P.C, tỉnh Hưng Yên. Hiện đang ở Campuchia.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Phạm P.A, sinh ngày: 30/5/2017.

Người giám hộ: Chị Lưu Thị D. (mẹ đẻ cháu P.A)

- Cháu Phạm Anh Đ., sinh ngày 10/01/2019.

Người giám hộ: Anh Phạm Văn G. (bố đẻ cháu Đ.)

Đều có nơi đăng ký thường trú: Thôn V.Q, xã Q.H, huyện P.C, tỉnh Hưng Yên.

4. Người làm chứng:

- Bà Phạm Thị Ng., sinh năm: 1979; nơi đăng ký thường trú: Thôn T.A, xã N.Q, huyện P.C, tỉnh Hưng Yên.

- Bà Vũ Thị D1., sinh năm: 1966; nơi đăng ký thường trú: Thôn V.Q, xã Q.H, huyện P.C, tỉnh Hưng Yên.

Các đương sự và người làm chứng đều vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Lưu Thị D. trình bày: Chị và anh Phạm Văn G. kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q.H vào tháng 9/2017. Sau khi kết hôn chị D. về nhà anh G. chung sống hạnh phúc được khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nên thường xuyên xảy ra cãi nhau và đã được hai bên gia đình khuyên bảo để vợ chồng sống hòa thuận, tuy nhiên không có kết quả, cuộc sống vợ chồng chị vẫn không có hạnh phúc. Do không thể chịu đựng được nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị D. xác định tình cảm vợ chồng với anh G. không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh G..

Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Phạm P.A, sinh ngày 30/5/2017 và cháu Phạm Anh Đ., sinh ngày 10/01/2019. Hiện các cháu đang ở với bà nội là bà Vũ Thị D1.. Ly hôn chị xin nhận nuôi cháu Phạm P.A, còn anh G. nuôi cháu Phạm Anh Đ. đến năm các cháu đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng cho ai.

Về tài sản chung, nợ nần, ruộng canh tác nông nghiệp và các vấn đề khác: Chị D. xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

Ngày 20/4/2023 chị phải đi xuất khẩu lao động tại các tiểu vương quốc Ả Rập Thống Nhất. Do đó chị không về Việt Nam tham gia giải quyết vụ án được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt chị. Quá trình giải quyết vụ án do chị ở nước ngoài nên mọi văn bản tài liệu giấy tờ chị ủy quyền cho mẹ chị là bà Phạm Thị Ng. nhận và thông báo cho chị. Chị cũng nhờ mẹ chị trực tiếp chăm sóc con chị trong thời gian chị ở nước ngoài.

Người làm chứng bà Vũ Thị D1. (mẹ đẻ anh G.) và bà Phạm Thị Ng. (mẹ đẻ chị D.) trình bày:

Quá trình kết hôn và chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa anh G. với chị D. như anh G. và chị D. trình bày, đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Bà Vũ Thị D1. xác định hiện anh G. đang ở Campuchia, địa chỉ cụ thể bà không biết nên không cung cấp được cho Tòa án. Thỉnh thoảng anh G. có liên lạc với gia đình bà qua mạng xã hội. Sau khi nhận được các văn bản của Tòa án gửi cho anh G., bà đã thông báo cho anh G. biết nội dung các văn bản này và anh G. có quan điểm như sau:

Anh xác định tình cảm với chị D. không còn nên cũng nhất trí ly hôn.

Về con chung: Quan điểm về con chung như chị D. đã trình bày. Vì lý do hiện anh đang ở Campuchia nên anh ủy quyền cho mẹ anh nhận thay anh các văn bản của Tòa án gửi. Anh cũng nhờ mẹ anh chăm sóc cháu Phạm Anh Đ. trong thời gian anh không ở Việt Nam.

Vì lý do hiện tại anh đang ở Campuchia làm việc không về Việt Nam được nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh. Bà D1. nhất trí với việc ủy quyền của anh G. về việc nhận các văn bản của Tòa án. Bà D1. sẽ chăm sóc cháu Đ. thay anh G. trong thời gian anh chưa về Việt Nam.

Bà Phạm Thị Ng. là mẹ chị D. nhất trí với việc ủy quyền của chị D. về việc nhận các văn bản của Tòa án, bà cũng sẽ có trách nhiệm chăm sóc con của chị D. thay chị D. trong thời gian chị D. không có mặt tại Việt Nam

Tại công văn số 9209/QLXNC-P5 ngày 21/4/2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của anh Phạm Văn G. xác định anh Phạm Văn G. đã xuất cảnh 05 lần; lần cuối sử dụng hộ chiếu số C9124588 để xuất cảnh ngày 10/5/2022 qua cửa khẩu Mộc Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng đều vắng mặt.

Chủ tọa thay mặt Hội đồng xét xử công bố tóm tắt nội dung vụ án, lời khai của đương sự, lời khai của người làm chứng cũng như các tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Người làm chứng đã chấp hành đầy đủ nghĩa vụ của mình. Về đường lối giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị D..

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng: Chị D. khởi kiện yêu cầu xin ly hôn anh G., cả anh G. và chị D. đều có nơi đăng ký thường trú tại huyện P.C, tỉnh Hưng Yên và hiện anh

G. đang ở Campuchia không có mặt tại Việt Nam nên quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp Hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn và những người làm chứng đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người trên là phù hợp.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lưu Thị D., Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị D. và anh G. là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, và đã ly thân từ năm 2020 đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Cả chị D. và anh G. đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị D. xin ly hôn, anh G. đồng ý. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D. và anh G. đã trở lên trầm trọng, mục đích Hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xử cho chị D. được ly hôn anh G..

[2.2]. Về con chung: Chị D., anh G. có 02 con chung là cháu Phạm P.A, sinh ngày 30/5/2017 và cháu Phạm Anh Đ., sinh ngày 10/01/2019. Hiện hai cháu đang ở với bà Vũ Thị D1. (mẹ đẻ anh G.). Ly hôn, anh G. có quan điểm xin nuôi cháu Đ., để chị D. nuôi cháu P.A đến năm các cháu đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai, được chị D. đồng ý. Do đó, ly hôn, giao cháu Đ. cho anh G.; giao cháu P.A cho chị D. được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến năm cháu Đ. và cháu P.A đủ 18 tuổi. Anh G. và chị D. không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai nhưng cả hai đều có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Xét thấy, hiện nay anh G. đang ở Campuchia, chị D. ở các Tiểu vương quốc Ảrập Thống Nhất nên tạm giao cháu Đ. cho bà Vũ Thị D1. (mẹ đẻ anh G.); trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi anh G. về Việt Nam, bà D1. có trách nhiệm giao cháu Đ. cho anh G.; tạm giao cháu P.A cho bà Ng. (mẹ đẻ chị D.) trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi chị D. về Việt Nam, bà Ng. có trách bàn giao cháu P.A cho chị D..

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung, ruộng canh tác nông nghiệp và các vấn đề khác: Chị D. và anh G. đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị D. phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 229, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 73, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lưu Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị D. được ly hôn anh Phạm Văn G..

2. Về con chung: Chị D., anh G. có 02 con chung là cháu Phạm P.A, sinh ngày 30/5/2017 và cháu Phạm Anh Đ., sinh ngày 10/01/2019. Hiện hai cháu đang ở với bà Vũ Thị D1. (mẹ đẻ anh G.). Ly hôn, giao cháu Đ. cho anh G.; giao cháu P.A cho chị D. được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến năm cháu Đ. và cháu P.A đủ 18 tuổi. Anh G. và chị D. không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai nhưng cả hai đều có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Tạm giao cháu Đ. cho bà Vũ Thị D1. (mẹ đẻ anh G.) trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi anh G. về Việt Nam, bà D1. có trách nhiệm giao cháu Đ. cho anh G.. Tạm giao cháu P.A cho bà Ng. (mẹ đẻ chị D.) trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi chị D. về Việt Nam, bà Ng. có trách bàn giao cháu P.A cho chị D..

Vì lợi ích của con chung, chị D. và anh G. có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản, nợ nần, ruộng canh tác nông nghiệp và các vấn đề khác: Chị D., anh G. đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lưu Thị D. phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm ly hôn. Đối trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* chị D. đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2021/0000249 ngày 12/4/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Chị D. đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Chị D. và anh G. có quyền kháng cáo trong thời một tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Q.H
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Hữu Tăng